

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án trang trại lợn giống
Ngọc Khê, xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi các nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trang trại lợn giống Ngọc Khê của Công ty TNHH một thành viên Tân Sơn Khánh hợp vào ngày 14 tháng 5 năm 2020 và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trang trại lợn giống Ngọc Khê đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh (kèm theo Văn bản số 52/GTr-TSK ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Công ty TNHH một thành viên Tân Sơn Khánh);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1399/TTr-STNMT ngày 18 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại lợn giống Ngọc Khê (sau đây gọi là *Dự án*) của Công ty TNHH một thành viên Tân Sơn Khánh (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Tân Sơn Khánh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- UBND xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh;
- CV: CN, XD, NL;
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng



Nguyễn Trung Thảo

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Của Dự án trang trại lợn giống Ngọc Khê, xã Ngọc Khê,
huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
(Kèm theo Quyết định số 1066 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Dự án trang trại lợn giống Ngọc Khê.
 - Địa điểm thực hiện: xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
 - Chủ dự án: Công ty TNHH một thành viên Tân Sơn Khánh.
 - Địa chỉ liên hệ: Xóm Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
 - Phạm vi, quy mô, công suất của dự án: Diện tích đất của dự án là 9,9 ha, thuộc xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, có các phía tiếp giáp như sau:
 - + Phía Bắc tiếp giáp: Đường đi cửa khẩu Pò Peo;
 - + Phía Đông giáp: Đồng Nà Piêng;
 - + Phía Nam giáp: Đồng Nà Piêng;
 - + Phía Tây giáp: Núi Phia Đa và đồng Đa Nói.
- Vị trí của dự án được giới hạn bởi các điểm khép góc có toạ độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2533830	584850	9,9
2	2533798	584820	
3	2533706	584780	
4	2533671	584778	
5	2533637	584846	
6	2533177	584971	
7	2533202	585030	
8	2533165	585046	
9	2533200	585112	
10	2533210	585099	

11	2533184	585063	
12	2533243	585030	
13	2533214	584967	
14	2533310	584970	
15	2533334	585031	
16	2533411	585123	
17	2533453	585134	
18	2533485	585102	
19	2533541	585074	
20	2533652	585000	
21	2533797	585045	

+ Quy mô dự án: Chăn nuôi lợn với 1.200 lợn nái sinh sản; 24 lợn đực giống.

+ Công nghệ sản xuất: Chăn nuôi công nghiệp theo tiêu chuẩn C.P.

- Các hạng mục, công trình chính của Dự án: 03 Chuồng nái đẻ, diện tích 3.084m²; 01 chuồng nái chữa ô lớn, diện tích 1.756 m²; 01 chuồng cai sữa lợn con, diện tích 1.689 m²; 01 chuồng đực giống, diện tích 225 m²; 01 phòng pha chế tinh, diện tích 40 m²; chuồng cách ly số 1, diện tích 375 m²; chuồng cách ly số 2, diện tích 187,5 m²; Nhà chờ xuất lợn con (01 chuồng), diện tích 140 m²; Nhà chờ xuất lợn thải (01 chuồng), diện tích 50 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Trong giai đoạn xây dựng cơ bản: Bụi, khí thải từ hoạt động thi công, vận chuyển nguyên vật liệu; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn, độ rung...

- Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn; Khí thải phát sinh từ các khu vực chuồng trại, công trình xử lý nước thải, các hoạt động vận chuyển (nguyên vật liệu và lợn con xuất bán) của các phương tiện giao thông hoạt động trong khuôn viên Trang trại; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn xây dựng cơ bản là 2.8m³/ngày.đêm, giai đoạn Trang trại đi vào hoạt động là 2 m³/ngày.đêm.

- Thành phần nước thải sinh hoạt có chứa: BOD₅, COD, SS, tổng N, Amoni, tổng P, Coliform....

b) Nước mưa chảy tràn:

Lưu lượng ước khoảng $2,2 \text{ m}^3/\text{s}$; Thành phần: Nước mưa chảy tràn cuốn theo cặn lơ lửng, đất, cát trên bề mặt.

c) Nước thải chăn nuôi:

- Tổng lượng nước thải phát sinh của Trang trại là $55,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Lượng nước chăn nuôi là $54 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và nước từ hoạt động rửa xe, khử trùng xe ra vào Trang trại là $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Thành phần: BOD_5 , COD, TSS, tổng N, Coliform....

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Bụi thải phát sinh từ hoạt động san gạt mặt bằng là $88,7 \text{ (kg/h)}$, tương đương 24.635 mg/s ; bụi, khí thải phát sinh do đốt cháy nhiên liệu của các loại máy móc, thiết bị thi công xây dựng trên công trường ($\text{CO} = 0,0048 \text{ mg/m}^2.\text{s}$; $\text{SO}_2 = 0,0017 \text{ mg/m}^2.\text{s}$; $\text{NO}_2 = 0,0094 \text{ mg/m}^2.\text{s}$; bụi muối = $0,00074 \text{ mg/m}^2.\text{s}$); Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (tải lượng bụi = $0,22 \text{ mg/m.s}$; $\text{NO}_x = 0,0208 \text{ mg/m.s}$; $\text{SO}_2 = 0,0038 \text{ mg/m.s}$; $\text{CO} = 0,01 \text{ mg/m.s}$).

- Giai đoạn Trang trại đi vào hoạt động: Các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và lợn con xuất bán của các phương tiện giao thông hoạt động trong khuôn viên Trang trại. Khí thải, mùi phát sinh từ các khu vực chuồng trại và hệ thống xử lý nước thải. Thành phần: CO_2 , CH_4 , H_2S , NH_3

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn xây dựng là $17,5 \text{ kg/ngày}$ và giai đoạn Trang trại vào hoạt động là $12,5 \text{ kg/ngày}$.

- Thành phần: Giấy vụn, nilon, nhựa, kim loại, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày hư hỏng...

b) Chất thải rắn sản xuất:

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Tổng khối lượng chất thải rắn xây dựng $187.891,7 \text{ tấn}$, tương đương $110.564,2 \text{ m}^3$. Thành phần: Cây cối từ quá trình phát quang; đất đào từ hoạt động thi công; vỏ bao xi măng, gỗ cốp pha, cốt ép, đất đá, cát sỏi rơi vãi.

- Giai đoạn Trang trại đi vào hoạt động: Tổng khối lượng thải rắn phát sinh là $4.976,2 \text{ kg}$, trong đó: Khối lượng nhau thai, lợn chết ước tính khoảng 2.000 kg/năm ; Các loại vỏ bao bì khoảng 15 kg/ngày ; tổng lượng phân thải của trang trại hàng ngày khoảng $2.961,2 \text{ kg/ngày}$.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong cả quá trình thi công của dự án là $139,44 \text{ kg/năm}$. Thành phần: Bóng đèn

huỳnh quang thải, giặt lau dính dầu trong quá bảo dưỡng sửa chữa máy móc, dầu thải từ quá trình thay dầu bảo dưỡng máy móc định kỳ.

- Giai đoạn Trang trại đi vào hoạt động: Chủ yếu là chai lọ, bao bì đựng vắc xin, thuốc thú y... và một lượng nhỏ bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu mỡ phát sinh tại máy phát điện của trang trại.. với tổng khối lượng ước tính khoảng 5 -7 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công

3.1.1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

a) *Nước thải sinh hoạt*: Chủ đầu tư ưu tiên xây dựng công trình nhà vệ sinh khép kín, chia 02 phòng (nam, nữ) với bể tự hoại thể tích 5m³ tại khu nhà văn phòng.

b) *Nước mưa chảy tràn*:

- Thi công kiểu cuốn chiếu; các phương tiện hoạt động thi công khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara chuyên nghiệp để thực hiện. Không thực hiện thay dầu, sửa chữa tại khu vực Dự án để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi các loại dầu máy có chứa thành phần độc hại ra môi trường.

- Tại các khu vực sau khi san gạt, sử dụng máy lu lèn chặt nền đất vừa đảm bảo độ nén chặt của các lớp đất theo yêu cầu xây dựng công trình, đồng thời giảm thiểu tới mức thấp nhất lượng đất đá cuốn theo nước mưa chảy tràn.

- Định hướng các rãnh thoát nước xung quanh các khu vực có thực hiện công tác xây dựng các hạng mục (theo hồ sơ thiết kế cơ sở), đồng thời lợi dụng địa hình tự nhiên để thoát nước mưa chảy tràn.

3.1.2. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

- Sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, lượng khí thải nhỏ và độ ồn thấp. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị, luôn để máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái hoạt động tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Các xe ô tô khi vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng phải thực hiện đúng các quy định giao thông chung: Có bạt che thùng và không được làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu ra môi trường; các xe vận tải không được chở quá tải trọng cho phép với từng loại xe và với tính chất cơ lý của nền đường.

3.1.3. Các biện pháp giảm thiểu đối với chất thải rắn

a) *Chất thải xây dựng*:

- Toàn bộ lượng đất đá đào sẽ được tận dụng hoàn toàn cho quá trình đắp nền.

- Các chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Bao xi măng, đầu mẫu thép, thùng hộp, tôn, gỗ... được thu gom, tận dụng bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Các chất thải: Gạch vỡ, đá, cát, sỏi, xi măng chết trong xây dựng được sử dụng san nền ngay trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng.

b) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Các loại chất thải có thể tái sử dụng, tái chế như giấy, kim loại, nhựa... được thu gom riêng, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải còn lại được thu gom vào 01 thùng đựng rác, thể tích 60 lít để thu gom, tập kết rác thải, chôn lấp bằng hố, thể tích khoảng 2m³/hố. Chất thải rắn sinh hoạt khi đầy hố sẽ được lấp đất mặt dày khoảng 60cm, sau đó trồng cây chuối và sắn dây.

3.1.4. Chất thải nguy hại

Toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom vào 02 thùng chứa, thể tích 200 lít đặt tại khu vực lán trại, có che chắn, cách ly với xung quanh thuộc phạm vi dự án. Định kỳ, ký kết hợp đồng với đơn vị đủ năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Lập, báo cáo cơ quan liên quan về công tác quản lý chất thải nguy hại hàng năm.

3.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn Trang trại đi vào hoạt động

3.2.1. Đối với môi trường nước

a) Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đối với các hạng mục công trình chính, khuôn viên Trang trại theo thiết kế đã được phê duyệt: Mương thoát nước B300, chiều dài 1.192,51m, trên tuyến bố trí 10 hố ga, thoát ra vị trí xả nước ở phía Tây Nam khu đất.

- Phần nước mưa chảy tràn trên diện tích khuôn viên Trang trại, được xử lý theo phương án tự tiêu thoát theo mặt bằng Trang trại, không xảy ra hiện tượng úng ngập kể cả khi có mưa to kéo dài.

- Định kỳ hàng tháng, công nhân tiến hành vệ sinh mương rãnh, khơi thông dòng chảy đối với hệ thống này.

b) Nước thải sinh hoạt:

Sử dụng các công trình nhà vệ sinh, với 05 bể tự hoại tại nhà văn phòng, nhà kỹ thuật, nhà công nhân, nhà điều hành, nhà nghỉ trưa, dung tích 5m³/bể, kích thước (3 x 1,5 x 1,15) m, trong đó: 01 bể tự hoại được xây dựng, sử dụng trong quá trình xây dựng. Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại được thoát qua ống ngầm Φ110 ra hệ thống xử lý nước thải của Trang trại.

c) Nước thải chăn nuôi:

- Công trình xử lý: Mương thoát nước thải B500, dài 357,32m, ống nhựa HDPE 110, chiều dài 672,39m, 21 hố ga; Bể gom phân, thể tích 24m³, kích thước (4x3x2)m; 02 Bể biogas, dung tích 3.600 m³/bể, kích thước (20x30x6)m; Bể Anoxic, thể tích 60m³; Bể Oxic, thể tích 84m³; Bể lắng, thể tích 96m³; 02 hồ điều hòa, dung tích 7.500m³/hồ, kích thước (50x30x5)m; Hồ sinh học (Hồ sinh học 01 thể tích 7.500m³, kích thước 50x30x5m; Hồ sinh học 02, thể tích 12.000m³, kích thước 80x30x5m).

- Quy trình chung để thu gom, xử lý nguồn nước thải chăn nuôi tại Trang trại: Nước thải chăn nuôi → Hệ thống mương, hố ga thu gom → Máy ép phân → Biogas 1/Biogas 2 → Hệ thống xử lý nước thải AO → Bể lắng → Hồ điều hòa → Hồ xử lý nước thải (Hồ sinh học) → Mương thoát nước → Sông Quây Sơn.

- Thuyết minh quy trình: Nước thải từ chuồng trại được thu gom vào mương thoát nước thải B500, chiều dài 357,32m, ống nhựa HDPE 110, chiều dài 672,39m, trên bố trí 21 hố ga, dẫn vào bể gom phân, chia 02 ngăn, một ngăn chứa hỗn hợp nước phân vào, một ngăn chứa nước sau khi qua máy ép phân, thể tích bể 24m³, kích thước (4x3x2)m. Nước thải sau khi tách phân được dẫn sang hầm biogas số 01 và hầm biogas số 02 (2 hầm hoạt động song song) được phủ bạt HDPE với kích thước (20x30x6)m, dung tích 3.600 m³/bể. Sau hầm biogas nước thải được xử lý sinh học AO tại 2 bể Anoxic và Oxic với thể tích lần lượt là 60m³ và 84m³. Để tăng quá trình lắng và tách bùn bố trí thêm 01 bể lắng sau xử lý AO với thể tích bể 96m³, bể lót bạt HDPE. Sau lắng, nước thải tiếp tục được dẫn sang hệ thống 02 hồ điều hòa nối tiếp nhau với dung tích 7.500m³/hồ kích thước (50x30x5)m, đáy và thành hồ lót bạt chống thấm HDPE. Nước thải sau hồ điều hòa tiếp tục được dẫn sang hệ thống 02 hồ sinh học để lắng và ổn định nước thải với hồ 01 kích thước (50x30x5)m, khả năng lưu chứa 7.500m³, đáy và thành hồ lót bạt HDPE; Hồ 02 kích thước (80x30x5)m, khả năng lưu chứa 12.000m³, đáy và thành hồ được đầm nén chặt. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn môi trường hiện hành sẽ được thoát vào mương thoát, ra nguồn tiếp nhận là sông Quây Sơn.

3.2.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

- Thiết kế xây dựng các dãy nhà chuồng chăn nuôi tại vị trí cuối hướng gió, có nền đất cao, khô ráo.

- Tại mỗi dãy nhà chuồng chăn nuôi: Lắp đặt hệ thống làm mát bằng 65 quạt hút, công suất 1,1KW đảm bảo vấn đề tản nhiệt (điều hòa), không khí được lưu thông, tránh hiện tượng bức nhiệt và ô nhiễm không khí cục bộ.

- Hàng ngày, vệ sinh và khử trùng chuồng trại liên tục đảm bảo chuồng trại luôn sạch sẽ được tiến hành như sau: Sử dụng thuốc bột khử trùng Cloramin-B, pha chế dạng dung dịch với nồng độ 0,3 - 0,5 % (3-5g/1 lít nước). Phun đều lên bề mặt chuồng trại, tường, vách,... theo định mức 250 lít dung dịch phun cho 1.000 m² diện tích chuồng trại. Tần suất vệ sinh và khử trùng tối thiểu 01 lần/ngày.

- Tại hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi (hồ thu gom và bể biogas) được sử dụng chế phẩm EM để hạn chế mùi hôi thối với tỷ lệ 2% (0,2 lít chế phẩm EM gốc + 0,2 lít rỉ đường + 0,6 lít chất tăng trưởng). Sau đó, đổ vào hồ thu gom theo định mức 300 lít chế phẩm/1 lần/1 năm thường vào mùa đông.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo, mũ, ủng, khẩu trang...

- Trồng cây xanh khu vực đất trống quanh khu vực chuồng trại với diện tích khoảng 26.707m² để giảm phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

3.2.3. Các biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

Các chất thải có thể tái chế lại như chai lọ, giấy... thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

Các chất thải còn lại thu gom vào 05 thùng đựng rác, thể tích 60 lít, sau đó tập kết vào 02 thùng chứa rác chuyên dụng. Định kỳ 03 ngày/lần, tiến hành chôn lấp bằng hố rác dung tích 2 m³, kích thước (2 x 1 x 1)m. Sau khi hố chôn lấp đầy, phủ đất dày 20 - 30cm, trồng cây xanh trên mặt hố và tiếp tục bố trí hố chôn lấp mới.

b) Chất thải rắn chăn nuôi:

- Phân lợn: Sử dụng 01 máy ép phân để ép phân khô, sau đó công nhân thu gom, đóng vào các bao tải kín và tập kết tại nhà chứa phân, diện tích 70m², kích thước (7x10)m. Đồng thời, khử trùng nhà chứa phân bằng vôi bột (định mức 0,3kg/m²), phun chế phẩm sinh học EM các bao phân để hạn chế mùi hôi đảm bảo thời gian ủ được rút ngắn và giảm thiểu vi sinh vật gây bệnh, có hại gây ra trong quá trình ủ. Phân sau khi ủ khô 01 tháng/lần, bán cho người dân trên địa bàn sử dụng cho hoạt động trồng trọt.

- Chất thải là xác lợn chết, nhau thai phát sinh trong quá trình đẻ của lợn nái mẹ được xử lý tại nhà xay và nấu lợn (nấu chín) được tận dụng làm nguồn thức ăn chăn nuôi cá rất tốt.

- Chất thải rắn chăn nuôi là lợn bệnh được chôn lấp trong quỹ đất chưa sử dụng của Trang trại. Thực hiện chôn lấp theo đúng quy định (QCVN 01-41:2011/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh thú y đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật).

3.2.4. Chất thải nguy hại

- Hạn chế mức tối đa việc sửa chữa các phương tiện, máy móc thi công tại khu vực Trang trại.

- Lượng chất thải nguy hại như: Bóng đèn neon hỏng, thiết bị hỏng, giẻ lau dính dầu... được thu gom, phân loại và tập kết vào 03 thùng phi, thể tích 200 lít tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 4 m², được lát nền xi măng và mái che mưa bằng fibro.

- Các chất thải là vỏ thuốc thú y phát sinh được thu hồi nghiêm ngặt theo quy định của Trang trại. Sau đó được thu gom, phân loại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Sau đó, giao lại Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam - C.P. VINA (đơn vị cung ứng), đã được cấp giấy phép về xử lý triệt để chất thải nguy hại.

- Trong trường hợp phát sinh dịch có liên quan đến Trang trại, Chủ dự án có trách nhiệm thông báo với các cấp có thẩm quyền để có biện pháp tiêu hủy, xử lý theo quy định.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và những quy định hiện hành trong quá trình hoạt động.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

4.1. Giai đoạn giai đoạn xây dựng cơ bản

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí công trình nhà vệ sinh khép kín, chia 02 phòng (nam, nữ) với bể tự hoại thể tích 5m^3 tại khu nhà văn phòng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào 01 thùng đựng rác, thể tích 60 lít hồ chôn lấp, thể tích khoảng $2\text{m}^3/\text{hồ}$.

- Chất thải nguy hại: 02 thùng chứa, thể tích 200 lít.

4.2. Giai đoạn Trang trại đi vào hoạt động

- Hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa: Mương thoát nước B300, chiều dài 1.192,51m, bố trí 10 hồ ga.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 05 bể tự hoại, dung tích $5\text{ m}^3/\text{bể}$, bố trí tại nhà văn phòng, nhà kỹ thuật, nhà công nhân, nhà điều hành, nhà nghỉ trưa.

- Công trình xử lý nước thải chăn nuôi: Mương thoát nước thải B500, dài 357,32m, ống nhựa HDPE 110, chiều dài 672,39, 21 hồ ga; Bể gom phân, thể tích 24m^3 , kích thước (4x3x2m); 02 Bể biogas, dung tích $3.600\text{ m}^3/\text{bể}$, kích thước (20x30x6)m; Bể Anoxic, thể tích 60m^3 ; Bể Oxic, thể tích 84m^3 ; Bể lắng, thể tích 96m^3 ; 02 hồ điều hòa, dung tích $7.500\text{m}^3/\text{hồ}$, kích thước (50x30x5)m; Hồ sinh học (Hồ 01 thể tích 7.500m^3 , kích thước 50x30x5m; Hồ sinh học 02, thể tích 12.000m^3 , kích thước 80x30x5m).

- Công trình thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt: 05 thùng chứa, dung tích 60 lít. Hồ chôn lấp rác thể tích 2 m^3 ;

- Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường Trang trại: Nhà để phân, diện tích 70m^2 ;

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại: 03 thùng chứa chất thải nguy hại, dung tích 200 lít, kho chứa chất thải nguy hại 4m^2 .

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Môi trường không khí: Số lượng 01 mẫu; trên công trường thi công (tùy thuộc vào vị trí thi công); tần suất 03 tháng/01 lần; thông số giám sát, quy chuẩn so sánh theo Quy định hiện hành.

- Nước thải sinh hoạt: Số lượng 01 mẫu; tại nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại; tần suất 06 tháng/01 lần; thông số giám sát, quy chuẩn so sánh theo Quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn hoạt động của Dự án

Nước thải chăn nuôi: Số lượng 01 mẫu tại ao sinh học trước khi thải ra ngoài môi trường; tần suất 03 tháng/01 lần; thông số giám sát, quy chuẩn so sánh theo Quy định hiện hành./.